

**BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO  
TRÊN SÓNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 175/QĐ-PTTH ngày 07/12/2021  
của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang)

**A. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH**

**I. Mức thu phí quảng cáo trên sóng truyền hình (Thuế VAT trực tiếp)**

*Đvt : 1.000 đồng*

Thời điểm quảng cáo	Mã giờ	Thời gian	Đơn giá quảng cáo				
			5"	10"	15"	20"	30"
<b>1. Buổi sáng</b>							
Trước Thời sự sáng	THTG1	6giờ 25 - 6giờ 30	800	1.500	2.000	3.000	4.000
Trước phim truyện	THTG2	7giờ 02 - 7giờ05	1.200	2.000	3.000	4.000	6.000
Giữa phim truyện	THTG3	7 giờ 20 – 7 giờ 25	1.000	1.600	2.400	3.200	5.000
Sau phim truyện	THTG4	7giờ 45 - 7giờ 50	800	1.500	2.000	3.000	4.000
Trước phim truyện	THTG5	8 giờ 30– 8 giờ 35	1.000	1.600	2.400	3.200	5.000
Giữa phim truyện	THTG6	8 giờ 50 – 9 giờ 05	1.400	2.200	3.200	4.200	6.200
Sau phim truyện	THTG7	9 giờ 15 – 9 giờ 20	1.500	2.400	3.400	4.400	6.400
<b>2. Buổi trưa</b>							
Sau sân khấu và âm nhạc	THTG8	10 giờ 55 - 11giờ	1.650	5.500	8.800	13.200	17.600
Trước phim truyện	THTG9	11 giờ 50 - 11giờ 55	1.650	5.500	9.000	13.200	18.000
Xen giữa phim truyện và giữa hai tập phim	THTG10	12 giờ 10 -12 giờ15 12 giờ35 - 12giờ 40 12 giờ 55 -13 giờ 00	3.700	5.700	13.000	16.500	24.000

Sau phim truyện	THTG11	13giờ 15 -13giờ 20	1.650	3.900	8.000	11.000	15.000
<b>3. Phim truyện Việt Nam 14 giờ (phim xé)</b>							
Trước phim truyện	THTG12	13 giờ 55 - 14giờ 00	800	1.500	2.000	2.500	4.000
Xen giữa phim	THTG13	14giờ 20 - 14giờ 25	1.200	2.000	3.000	4.000	6.000
Sau phim truyện	THTG14	14giờ 50- 14 giờ 55	800	1.600	2.500	3.500	5.000
<b>4. Buổi chiều</b>							
<b>4.1 Phim chiều 1 (1 tập), từ 16h25 - 17h15</b>							
Trước phim chiều 1	THTG15	16giờ20 - 16giờ25	1.300	2.600	4.000	5.200	8.000
Giữa phim chiều 1	THTG16	16giờ40 - 16giờ50	1.500	3.000	4.500	6.500	10.000
Sau phim chiều 1, trước chuyên mục	THTG17	17giờ10 - 17giờ15	2.600	5.200	8.500	10.500	17.000
<b>4.2 Phim chiều 2 (1 tập), từ 17h30 - 18h20</b>							
Sau chuyên mục Trước phim chiều 2	THTG18	17giờ27- 17giờ30	4.400	7.200	10.000	13.600	19.000
Giữa phim chiều 2	THTG19	17giờ50 – 17giờ55	5.000	7.200	11.000	14.300	21.000
Sau phim chiều 2	THTG20	18giờ10 - 18giờ15	5.500	7.700	12.000	15.400	23.000
<b>5. Buổi tối</b>							
Sau thời sự THTG, Trước thời sự VTV	THTG21	18giờ52 – 19giờ00	6.600	9.400	14.000	20.000	26.000
<b>6. Phim truyện 1 và giải trí tối</b>							
Sau VTV, trước phim 1, Xen sau hình hiệu phim	THTG22	19giờ43 - 19 giờ50	6.000	9.900	16.500	25.000	32.500
Giữa phim	THTG23	20giờ 05– 20giờ15	6.400	12.900	19.000	27.500	37.000
Sau phim 1, trước chuyên mục, truyền hình thực tế	THTG24	20giờ 28– 20giờ 35	6.400	12.900	19.000	26.500	36.000
<b>7. Phim truyện 2 và giải trí tối</b>							
Trước phim truyện 2	THTG25	20giờ 48-20giờ52	7.300	13.500	19.000	26.000	38.000

Giữa phim	THTG26	21giờ 15-21giờ20	6.100	9.900	15.400	22.900	30.000
Sau phim truyện 2 Trước phim truyện 3	THTG27	21giờ 30-21giờ35	4.400	7.700	11.000	13.200	20.000
<b>8. Phim truyện 3 và chương trình giải trí, khoa giáo</b>							
Giữa phim 3	THTG28	21giờ50- 21giờ55	1.500	3.000	4.500	6.500	10.000
Sau phim 3 hoặc sau giải trí	THTG29	22giờ15- 22giờ20	1.200	2.500	4.000	5.200	8.000

**\* Ghi chú:**

- Sai số cho phép về thời lượng đối với mẫu quảng cáo 15 giây là 2 giây; đối với mẫu quảng cáo 30 giây là: 3 giây.
- Sai số cho phép về thời gian phát sóng ở từng khung giờ từ 3 - 5 phút.

**II. Mức thu quảng cáo hình gạt trên truyền hình (panel đầy màn hình, có logo sản phẩm, có chữ) phát sóng trong hình hiệu quảng cáo (thuế VAT trực tiếp)**

Khung giờ phát sóng	Thời lượng	Đơn giá/lần
Khung giờ buổi sáng (từ 6 giờ 15 đến 10 giờ 50)	5 giây	500.000đ
Buổi trưa (từ 11 giờ 20 đến 13 giờ 30)	5 giây	600.000đ
Khung giờ xế và chiều (từ 13 giờ 55 đến 18 giờ 10)	5 giây	700.000đ
Khung giờ buổi tối (từ 18 giờ 50 đến 21 giờ 30)	5 giây	1.500.000đ

**III. Mức thu phí key logo và key chữ (Thuế VAT trực tiếp) :**

*Đơn vị tính: 1.000đ*

Thời điểm	Thời gian	Giá quảng cáo				
		5"	10"	15"	20"	30"
<b>1. Key logo, chữ chân màn hình (diện tích 10% màn hình)</b>						
Sáng, trưa, chiều	7giờ00- 18giờ10	100	300	500	800	1.000

Trong giải trí tối	19giờ00 – 22giờ00	300	600	1.000	1.500	2.000
<b>2. Pop up</b>						
Sáng, trưa, chiều	7giờ00- 18giờ10	150	300	600	800	1.000
Trong giải trí tối	19giờ00 – 22giờ00	300	600	1.000	1.500	2.000

**IV. Mức thu phí tự giới thiệu và thông báo ( Thuế VAT trực tiếp ) :**

Hình thức quảng cáo	Thời điểm	Mức thu
<b>1. Tự giới thiệu</b>		
Các khung giờ nằm trong phim sáng (từ 6giờ25-9giờ35)	5giờ 30 -9giờ 30	600.000đ/phút
Trước Thời sự trưa	11 giờ 25 – 11 giờ 30	1.200.000đ/phút
Trước phim, giữa phim và giữa 02 tập phim trưa	11giờ45 – 11giờ55 12giờ 15 - 12giờ 20 12giờ40 – 12giờ45 13giờ00-13giờ55	1.500.000đ/phút
Sau phim trưa	13 giờ15 - 13 giờ20	1.000.000đ/phút
Trước phim xế 14giờ	13 giờ55 – 14 giờ	400.000đ/phút
Giữa phim xế	14 giờ20 - 14 giờ30	500.000đ/phút
Sau phim xế	14 giờ50 -14 giờ55	400.000đ/phút
Trước phim chiều 1 và giữa phim chiều 1	16 giờ20 – 16 giờ25 16 giờ40 – 16 giờ50	600.000đ/phút 800.000đ/phút
Sau phim chiều 1	17giờ10 – 17giờ15	900.000đ/phút
Trước phim chiều 2	17giờ27 - 17giờ30	1.000.000đ/phút
Giữa phim chiều 2	17giờ 50 - 17giờ 55	1.000.000đ/phút
Sau phim chiều 2	18giờ10 - 18giờ15	1.200.000đ/ phút
Trước thời sự THTG	18giờ27 - 18giờ30	1.500.000đ/phút
Trước thời sự VTV	18giờ52 -19giờ 00	2.500.000đ/phút

Sau thời sự VTV, trước phim tối 1	19giờ43-19giờ50	3.000.000đ/phút
Giữa phim tối 1	20giờ05 – 20giờ15	3.400.000đ/phút
Sau phim tối 1	20giờ27 – 20giờ35	3.000.000đ/phút
Trước phim tối 2	20giờ45 – 20giờ50	2.200.000đ/phút
Giữa phim tối 2	21giờ05 – 21giờ10	1.800.000đ/phút
Sau phim tối 2, trước phim 3	21giờ30 – 21giờ38	1.200.000đ/phút
Giữa phim 3	21giờ50 - 21giờ55	800.000đ/phút
Sau phim 3 hoặc sau giải trí	22giờ15- 22giờ20	600.000đ/phút

**2. Chương trình khoa giáo, các loại hình tư vấn khác, trò chơi truyền hình, hỗ trợ kiến thức (Áp dụng cho băng đĩa từ 02 phút trở lên)**

Sau tiếp sóng VTV	19 giờ 43 – 19 giờ 50	1.000.000đ/ phút
Sau phim tối 1	20 giờ 30 – 20 giờ 45	1.000.000đ/phút
Trước phim trưa	11 giờ 55 – 12 giờ 00	700.000đ/ phút
Trước phim chiều	16 giờ 25 – 16 giờ 30	
Sau phim chiều 2	18 giờ 15 - 18 giờ 25	500.000đ/ phút
Trước 60 Giây sáng	6 giờ 25 – 6 giờ 30	
Trước phim xế	13 giờ 50 – 14 giờ 00	

\* **Ghi chú:** Hợp đồng tư vấn tiêu dùng, các loại hình tư vấn khác, trò chơi truyền hình, hỗ trợ kiến thức phát thường xuyên thời gian từ 2 tháng trở lên tính theo giá thỏa thuận. Giá phát sóng Home shopping năm 2022 là: 200.000đ/phút (giá khoán, không còn giảm giá, áp dụng cho các khung giờ theo lịch phát sóng của Đài).

**3. Thông báo**

Buổi sáng, trưa, chiều	5giờ 45- 17giờ 50	4.000đ/âm đọc
Sau phim chiều 2	18giờ15 - 18giờ25	6.000đ/ âm đọc
Trước thời sự VTV	18giờ52 -19giờ00	7.000đ/âm đọc
Sau thời sự VTV, trước phim 1 trong giải trí (chỉ nhận mẫu thông báo ngắn, có backrop, nội dung chọn lọc)	19giờ43- 19giờ50 20giờ00- 20giờ45	8.000đ/ âm đọc

Tin buồn, Mất giấy tờ, Cảm tạ, Tìm người thân, di dời mồ mả ..., các nội dung rao vặt khác.	18giờ 05- 19 giờ 00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới hoặc bằng 100 âm đọc : 250.000đ/lần.</li> <li>- Từ âm đọc thứ 101 trở đi tính thêm 3.000đ/âm đọc.</li> <li>- Các trường hợp trên nếu phát sóng quảng cáo vào buổi sáng, trưa, chiều sẽ được giảm giá 50%.</li> </ul>
---	---------------------	--

**\* Ghi chú:**

- Sai số cho phép đối với 01 phút tự giới thiệu là 05 giây.
- Các mẫu tự giới thiệu đăng ký vào khung giờ vàng buổi tối thời lượng không vượt quá 3 phút.
- Sai số cho phép đối với 1 chương trình khoa giáo từ 10 phút trở lên là: 1 - 2 phút ( tùy chương trình dài ngắn).

**IV. Mức thu phí các loại hình dịch vụ truyền hình (Thuế VAT trực tiếp)**

1. Làm phim truyền thông cho các cá nhân, đơn vị trong nước; thực hiện phim tự giới thiệu, phim gia công ... : 4.500.000đ/phút.

2. Quay phim tư liệu (quay thô tại Tp.Mỹ Tho) : 100.000đ/phút (nếu quay ngoài địa bàn Tp.Mỹ Tho thì phía đối tác hỗ trợ phương tiện đưa rước ).

3. Thực hiện mẫu quảng cáo thời lượng 30 giây :

- Mẫu đơn giản : 30.000.000đ/mẫu.
- Mẫu kỹ xảo : 40.000.000đ/mẫu.
- Mẫu có diễn viên Tp.HCM: 100.000.000đ/mẫu.

4. Thực hiện và phát sóng tin thời sự 01 phút (đưa tin thương mại, kể cả 2 lần phát sóng theo lịch của Đài) :

- Tại Tp. Mỹ Tho : 6.500.000đ/phút/tin (do Đài thực hiện ).
- Ở các huyện thuộc lân cận : 7.500.000đ/phút/tin (do Đài thực hiện).
- Ở các huyện xa: Gò Công Tây, TX. Gò Công, Tân Phú Đông, Gò Công Đông, Cái Bè: 8.500.000đ/phút.
- Ở các tỉnh lân cận và Tp. Hồ Chí Minh: 10.000.000đ/phút.

- Có File hoàn chỉnh từ 1 phút trở lại không phải do Đài thực hiện nếu đăng ký phát trong chương trình thời sự hoặc trong các khung giờ cao điểm khác, mức thu 4.500.000đ/phút/tin.

5. Cho thuê xe truyền hình trực tiếp và tổ chức truyền hình trực tiếp

a. Cho thuê xe truyền hình thu các chương trình, không trực tiếp chương trình trên sóng Đài tỉnh (cả ngày) :

- Trong tỉnh : 25.000.000đ/cuộc.
- Các tỉnh giáp ranh Tiền Giang : 30.000.000đ/cuộc.
- Tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh xa (phạm vi từ Đồng Nai trở vào) : 35.000.000đ/cuộc.

b. Tổ chức truyền hình trực tiếp các chương trình trên Đài (không quá 02 giờ) bao gồm cả êkip thực hiện:

- Trong tỉnh : 45.000.000đ.
- Các tỉnh giáp ranh Tiền Giang : 60.000.000đ.
- Tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh xa (phạm vi từ Đồng Nai trở vào): 70.000.000 đ.

\* Trường hợp trực tiếp tổ chức vào ban ngày thì giá do Ban Giám đốc quyết định cho trường hợp cụ thể.

c. Tiếp sóng truyền hình trực tiếp:

- Ban ngày : 25.000.000đ (2 giờ).
- Buổi tối : 45.000.000đ (2 giờ).

\* **Ghi chú :**

- Nếu thời lượng vượt hơn thời lượng nêu trên, cứ 15 phút thu thêm 10% theo giá quy định.

- Trường hợp thời lượng ngắn hơn thì tùy thực tế mà Giám đốc Đài quyết định giá trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng.

- Các trường hợp đặc biệt khác không nằm trong khung giá nêu trên sẽ do Hội đồng thẩm định giá và duyệt các chương trình giải trí Đài quyết định.

- Đối với hợp đồng dài hạn, ký thực hiện nhiều chương trình, thì giá thực hiện sẽ do Hội đồng quyết định.

#### **V. Mức thu phí in sang các chương trình (*Thuế VAT trực tiếp*) :**

1. Đối với các chương trình do Đài tỉnh sản xuất in sang ra đĩa DVD, xuất file : mức thu 50.000đ/đĩa (hoặc file).

2. Đối với chương trình do khách hàng đem đến để in sang ra đĩa DVD : mức thu 60.000đ/đĩa.

#### **VI. Giá phát sóng thực phẩm chức năng**

Giá phát sóng thực phẩm chức năng tính theo giá khoán và có bảng giá riêng cho từng thể loại và khung giờ.

#### **B. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG PHÁT THANH**

1. Thực hiện và phát sóng tin thương mại trên sóng phát thanh (bao gồm 2 lần phát sóng sáng và tối): 2.000.000đ/phút/2 lần phát.

2. Thực hiện mẫu tự giới thiệu phát thanh: 3.000.000đ/phút

3. Giá dịch vụ làm mẫu file quảng cáo trên sóng phát thanh : 8.000.000 đ/phút (các mẫu quảng cáo bằng hình thức đối thoại từ 03 người trở lên được tính theo giá này).

4. Giá quảng cáo trên sóng phát thanh FM tần số 96,2Mhz (Thuế VAT trực tiếp):

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Vị trí quảng cáo</b>	<b>Đơn giá</b>
1	Nhắn tin, rao vặt (thời lượng 01 phút)	Sáng - Trưa - Chiều	150.000đ/lần
2	Thông báo ( thời lượng 01 phút)	Sáng - Trưa - Chiều	400.000đ/lần
3	Quảng cáo băng đĩa có sẵn ( thời lượng 01 phút)	Buổi sáng Buổi trưa Buổi chiều, tối	600.000đ/lần 450.000đ/lần 350.000đ/lần
4	Tự giới thiệu ( từ 02 phút trở lên băng có sẵn)	Buổi sáng Buổi trưa Buổi chiều, tối	400.000đ/phút 400.000đ/phút 300.000đ/phút

### **C. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Thực hiện theo giá khoán với diện tích, vị trí và thiết kế do Đài bố trí và thực hiện (có thỏa thuận với khách hàng), cụ thể giá như sau :

- Đăng liên tục trong 6 tháng: 15.000.000đ.

- Đăng liên tục trong 1 năm: 25.000.000đ.

\* Các trường hợp khác do 2 bên thỏa thuận.

### **D. QUY ĐỊNH VỀ GIẢM GIÁ VÀ KHEN THƯỞNG**

#### **1. Quy định về tỷ lệ giảm giá các hợp đồng quảng cáo**

- Mức giảm giá cụ thể được tính trên giá trị hợp đồng thực tế.

- Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trực tiếp ký hợp đồng tài trợ chương trình thì không áp dụng tỷ lệ giảm giá này mà được tính giá thỏa thuận trên tinh thần lấy thu bù chi và có tích lũy theo Công văn số 1133/UBND-TM ngày 07/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tùy theo doanh thu mà được Đài xem xét có chính sách giảm giá ưu đãi theo quy định hiện hành.

- Mức giảm giá quảng cáo, dịch vụ cụ thể được tính cho khách hàng theo doanh thu dưới đây :

<b>STT</b>	<b>Doanh thu quảng cáo thực tế</b>	<b>Tỷ lệ giảm (%)</b>
------------	------------------------------------	-----------------------



1	Trên 5.000.000 - 10.000.000đ	10
2	Trên 10.000.000 - 50.000.000đ	15
3	Trên 50.000.000 - 500.000.000đ	20
4	Trên 500.000.000 - 1.000.000.000đ	25
5	Trên 1.000.000.000 - < 3.000.000.000đ	30
6	Từ 3.000.000.000đ trở lên	35

\* **Lưu ý:** Doanh thu từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ chỉ áp dụng giảm giá cho các hợp đồng phát sóng thông báo, tự giới thiệu, không áp dụng cho thể loại quảng cáo.

## 2. Những trường hợp đặc biệt

Đối với những khách hàng mới ký hợp đồng quảng cáo, tài trợ lần đầu; các doanh nghiệp ký kết doanh số lớn từ 500.000.000đ trở lên và các chương trình thực tế, khoa giáo, giải trí, gameshow do khách hàng sản xuất có chất lượng tốt, mang tính phục vụ khán giả và phát triển thương hiệu Đài Tiền Giang thì mức tài trợ và giá quảng cáo đi theo chương trình tài trợ không áp dụng theo bảng giá này, mà áp dụng giá hợp tác, tài trợ, phát sóng... do Hội đồng thẩm định và duyệt các chương trình dịch vụ, giải trí của Đài quyết định trên cơ sở lấy thu bù chi, công khai minh bạch theo Công văn số 1133/UBND-TM ngày 07/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

## 3. Chính sách khen thưởng

Để khuyến khích khách hàng chạy quảng cáo đạt doanh số cao ở mức từ 3.000.000.000đ trở lên, Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang đề ra mức thưởng khuyến khích như sau :

STT	Doanh thu quảng cáo trước giảm giá	Tỷ lệ thưởng (%)
1	3.000.000.000đ trở lên	5% sau giảm giá
2	Từ 4.000.000.000 - 6.000.000.000đ	7% sau giảm giá
3	Trên 6.000.000.000 - 8.000.000.000đ	9% sau giảm giá
4	Trên 8.000.000.000 - 10.000.000.000đ	10% sau giảm giá
5	Trên 10.000.000.000đ	12% sau giảm giá

## 4. Quy định tỷ lệ hoa hồng quảng cáo

- Doanh thu quảng cáo từ 05 triệu đến dưới 10 triệu: 4%.

- Doanh thu quảng cáo từ 10 triệu đến dưới 100 triệu: 5%
- Doanh thu quảng cáo từ 100 triệu đến dưới 300 triệu: 6%
- Doanh thu quảng cáo từ 300 triệu trở lên: 7%

**\* Một số quy định khác :**

- Tỷ lệ hoa hồng quảng cáo được nhận trên giá trị hợp đồng sau khi trừ thuế VAT.
- Các hợp đồng quảng cáo nếu nhận hoa hồng thì không giảm giá và ngược lại.
- Việc chi hoa hồng quảng cáo chỉ được nhận khi các cá nhân, đơn vị đã thanh toán 100% giá trị hợp đồng./.

**GIÁM ĐỐC**  
Đã ký

**NGUYỄN SĨ HÙNG**